TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Bé Em

2. Ông Trương Hoài Khanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng N – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N1, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: số B, đường P, khu phố C, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2023 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà* Lê Thị N1 *trình bày:* Thông qua mai mối, bà và ông Nguyễn Thành V tổ chức lễ cưới vào ngày 10/11/2003 âm lịch, hai người đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm trong cách sống, ông Vũ t hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập bà nhiều lần, đỉnh điểm là vào tháng 10/2022, ông V đã cầm dao đe dọa đòi giết bà, lúc đó có nhiều người chứng kiến, do được mọi người can ngăn kịp thời nên bà không bị xâm phạm. Bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 26/8/2004 và Nguyễn Thành K, sinh ngày 22/8/2012. Bà N1 yêu cầu được nuôi người con tên Nguyễn Thành K, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con tên Nguyễn Thị Cẩm L đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N1 cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác.

- *Tại văn bản lập ngày 06/9/2023, ông* Phạm Văn T *và bà* Nguyễn Thị B *cung cấp nội dung sự việc như sau:* Khoảng tháng 10/2022, vợ chồng ông, bà có nhậu chung với vợ chồng bà Lê Thị N1, ông Nguyễn Thành V cùng một số người bạn tại nhà trọ của ông, bà ở ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ông Vũ n được một lúc thì ra về trước, bà N1 nhờ con trai của ông, bà chở theo sau. Ông, bà nhậu được một lúc thì bà B mới điện thoại hỏi thăm là con trai của ông, bà về chưa, lúc đó thì bà N1 mới nói là ông V ghen tuông bà N1 với em trai của ông, bà có tình cảm với nhau nên kêu ông, bà qua nhà trọ của bà N1 can thiệp. Khi ông, bà đến nơi thì thấy vợ chồng bà N1 đang cự cãi căng thẳng, lúc đó ông V đang cầm dao đe dọa, đòi giết bà N1 rồi rượt theo bà N1, thấy vậy ông, bà cùng một số người gần đó ôm giữ người ông Vũ l và khuyên can, giật dao mà ông V cầm tổng cộng 04 lần, lúc đó ông V vẫn còn lớn tiếng mắng chửi, đe dọa bà N1, sau đó thì ông, bà đi về, không chứng kiến sự việc gì nữa. Một thời gian sau thì ông, bà nghe bà N1 nói là quyết định ly hôn, không thể sống chung với ông V được nữa.

- *Tại biên bản trình bày nguyện vọng lập ngày 06/9/2023, người con chung là* Nguyễn Thành K *có ý kiến:* Muốn được sống chung với mẹ là bà Lê Thị N1.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Lê Thị N1 yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn – ông Nguyễn Thành V nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – ông Nguyễn Thành V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Lê Thị N1 yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – ông Nguyễn Thành V.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Thông qua mai mối, bà N1 và ông V tổ chức lễ cưới vào ngày 10/11/2003 âm lịch, hai người đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2009; như vậy, việc kết hôn của bà N1 và ông V đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà N1 cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, ông Vũ t hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập bà nhiều lần, đỉnh điểm là vào tháng 10/2022, ông V đã cầm dao đe dọa đòi giết bà, lúc đó có nhiều người chứng kiến, do được mọi người can ngăn kịp thời nên bà không bị xâm phạm. Nguyên nhân mâu thuẫn trên cũng phù hợp với nội dung sự việc do ông T và bà B cung cấp. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, nguyên đơn – bà N1 đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, bị đơn–ông V không có mặt theo văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án cũng như ý kiến bằng văn bản liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện cấp tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà N1 và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều

56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N1.

[2] Về con chung: Bà N1 yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Thành K, sinh ngày 22/8/2012 đến khi thành niên, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng người con chung tên Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 26/8/2004, đã trưởng thành, có khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà không yêu cầu giải quyết. Xét yêu cầu này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như ý chí nguyện vọng của con chung, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn – bà Lê Thị N1.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Lê Thị N1 phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà N1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007709, ngày 19/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên bà N1 không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Thị N1, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N1 được ly hôn với ông Nguyễn Thành V.

- Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Thành K, sinh ngày 22/8/2012 cho bà Lê Thị N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, do bà Lê Thị N1 không yêu cầu ông Nguyễn Thành V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Riêng người con chung tên Nguyễn Thị Cẩm L, sinh ngày 26/8/2004, đã trưởng thành, có khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông V.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Lê Thị N1 phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà N1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007709, ngày 19/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên bà N1 không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND P. An Bình, TP. Rạch Giá, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Đức Luân